

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học ; *Chuyên ngành:* Y tế công cộng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. *Họ và tên người đăng ký:* **BÙI THỊ TÚ QUYÊN**

2. *Ngày tháng năm sinh:* 20/08/1974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; *Tôn giáo:* Không

3. *Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:*

4. *Quê quán:* xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

5. *Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):*

Phòng 506, tập thể A5, ngõ 29 Vũ Thạnh, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

6. *Địa chỉ liên hệ:* Bùi Thị Tú Quyên, Khoa Các khoa học cơ bản, Trường Đại học Y tế công cộng. Số 1A, Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại di động: 0912225245.; *E-mail:* btq@huph.edu.vn

7. *Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):*

- Từ năm 1998 đến năm 2004: Giảng viên bộ môn Y học Cộng đồng- Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
- Từ năm 2004 đến năm: 2012: Giảng viên bộ môn Thống kê tin học- Trường Đại học Y tế công cộng
- Từ năm 2012 đến năm: 2015: Phó trưởng bộ môn Dịch tễ-Thống kê -Trường Đại học Y tế công cộng
- Từ năm 2015 đến năm: 2019: Trưởng bộ môn Thống kê y tế -Trường Đại học Y tế công cộng

Chức vụ:

- Hiện nay: Trưởng bộ môn Thống kê y tế;
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Thống kê y tế

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Thống kê y tế -Trường Đại học Y tế công cộng

Địa chỉ cơ quan: Số 1A, Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62662299/ 024-62662386

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 09 năm 1997, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa
Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y khoa Thái Nguyên, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 04 năm 2004, ngành: Y, chuyên ngành: Y tế công cộng
Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y tế Công cộng, Việt Nam
- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 05 năm 2015, ngành: Y, chuyên ngành: Y tế công cộng
Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Y tế Công cộng, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y tế Công cộng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lao, HIV/ AIDS: Các nghiên cứu về dịch vụ chăm sóc, điều trị Lao/ HIV; tuân thủ điều trị của bệnh nhân lao.
- Sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản: Chăm sóc bà mẹ trước-trong-sau sinh, chăm sóc trẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, sự gắn kết của cha mẹ và trẻ vị thành niên, chữa ngoài tử cung, phòng tránh thai và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.
- Bệnh không lây nhiễm và Dịch vụ y tế: Tăng huyết áp, sức khỏe tâm thần (trầm cảm, stress), đái tháo đường. Bao phủ y tế toàn dân.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành (số lượng) 04 đề tài NCKH cấp cơ sở; 01 đề tài cấp Bộ
- Đã công bố (số lượng) 58 bài báo KH, trong đó 10 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 15, trong đó 10 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 00 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

1. Sách: Dịch tễ-Thống kê nâng cao, **Bùi Thị Tú Quyên (chủ biên)**, Vũ Hoàng Lan, Lê Cự Linh, Lê Thị Kim Ánh, Nguyễn Trang Nhung. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội năm 2014. ISBN 978-604-66-0750-2. Giáo trình giảng dạy cho đối tượng cao học Y tế công cộng- Trường ĐH Y tế công cộng
2. Bài báo: *Home-Based Care and Perceived Quality of Life Among People Living with HIV in Ho Chi Minh City, Viet Nam.* **Quyên Thi Tu Bui**, Deborah Bain Brickley, Van Thi Thu Tieu & Nancy K.Hills. AIDS and Behavior. Vol 22 (Suppl 1). ISSN 1009-7165. Impact factor: 2,9.

3. Bài báo: *Trends and determinants for early initiation of and exclusive breastfeeding under six months in Vietnam: results from the Multiple Indicator Cluster Surveys, 2000-2011*. **Quyên Thi Tu Bui**, Hwa-Young Lee, Anh Thi Kim Le, Do Van Dung and Lan Thi Hoang Vu. Global Health Action. Vol 9. ISSN 1654-9880. Impact factor: 1,904; Số lượt trích dẫn: 11
4. Bài báo: *Trajectories of depression in adolescents and young adults in Vietnam during rapid urbanisation: evidence from a longitudinal study*. **Quyên TT Bui**, Lan TH Vu, Dien M Chan. Journal of Child & Adolescent Mental Health. Vol 30 (1). ISSN 1728-0583
5. Bài báo: *Adverse events in the treatment of MDR-TB patients within and outside the NTP in Phạm Ngọc Thạch hospital, Ho Chi Minh City, Vietnam*. Nguyen Binh Hoa, Nguyen Viet Nhung, Phạm Huyền Khanh, Nguyen Viet Hai, **Bui Thi Tu Quyên**. BMC Research Notes 2015. Impact factor: 1,54; Số lượt trích dẫn: 16

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu)

15.1 Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2013-2014	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1423/QĐ-YTCC ngày 23/12/2014
2015-2016	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1649/QĐ-ĐHYTCC ngày 07/12/2016
2016-2017	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 1953/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/11/2017
2017-2018	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số 2735/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/11/2018

15.2 Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2013-2014	Danh hiệu Giảng viên tiêu biểu	Sổ khen thưởng số 1423/QĐ-YTCC
2013-2014	Bảng khen của Bộ Trưởng Bộ Y tế	Quyết định số 816/QĐ-BYT ngày 10/3/2014 khen thưởng cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2013-2014"
2016	Bảng khen Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 16/03/2016 khen thưởng cá nhân "Đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân"
2015-2016	Danh hiệu Quản lý khoa tiêu biểu năm học 2015 - 2016	Sổ khen thưởng số: 1650/QĐ-ĐHYTCC-TCCB
2017-2018	Bảng khen của Bộ Trưởng Bộ Y tế	Quyết định số 1717/QĐ-BYT ngày 12/3/2018 khen thưởng cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2016-2017"

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Ứng viên được đào tạo Bác sĩ đa khoa hệ chính qui và đã hoàn thành học vị Tiến sĩ Y tế công cộng năm 2015. Là giảng viên của bộ môn Thống kê Y tế (trước đây là Dịch tễ- thống kê), thuộc Khoa các khoa học cơ bản- ứng viên đã tham gia xuất bản 6 giáo trình đào tạo đại học và sau đại học (chủ biên 02 cuốn), 9 cuốn tài liệu tham khảo, tài liệu bồi dưỡng. Ngoài ra, ứng viên cũng tham gia các hoạt động xây dựng các chương trình thực địa tại cộng đồng nhằm nâng cao kinh nghiệm thực tiễn cho các sinh viên cử nhân và thạc sĩ trong trường. Ứng viên tham gia giảng dạy chính khoá các lớp đại học, sau đại học (các chuyên ngành Y tế công cộng, Quản lý bệnh viện, Cử nhân xét nghiệm y học, Cử nhân Dinh dưỡng) và hướng dẫn 10 luận văn thạc sĩ cùng 05 luận văn chuyên khoa II đã bảo vệ thành công. Bên cạnh giảng dạy chính khoá, ứng viên cũng tham gia giảng dạy các môn phương pháp nghiên cứu, phân tích số liệu các lớp đào tạo lại, đào tạo liên tục và các lớp bồi dưỡng nâng ngạch... cho các cán bộ ngành y tế.

- Ứng viên cũng đã chủ nhiệm 07 đề tài cấp cơ sở, trong đó 05 đề tài đã nghiệm thu và 02 đề tài sẽ nghiệm thu vào cuối năm 2019, tham gia 02 đề tài cấp Bộ (một đề tài với vai trò Phó chủ nhiệm, thư ký đã nghiệm thu và 01 đề tài với vai trò thư ký đã nghiệm thu tháng 6/2019). Ứng viên cũng tham gia 8 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, 01 đề tài cấp bộ khác với vai trò là thành viên nhóm nghiên cứu. Ngoài ra ứng viên còn thực hiện nhiều tư vấn nghiên cứu trong lĩnh vực y tế công cộng với các đối tác quốc tế (UNFPA, WHO, UNICEF...), các đơn vị trong nước như Viện Phổi Trung ương, Bộ Lao động thương binh xã hội và Bộ Y tế.

- Ứng viên cũng được mời phản biện cho các tạp chí như: Tạp chí y tế công cộng, tạp chí Nghiên cứu khoa học sức khoẻ và Phát triển. Ứng viên cũng tham gia vào ban biên tập của Nghiên cứu Khoa học Sức khoẻ và Phát triển và là thành viên của Hội đồng đạo đức (IRB) của Trường Đại học Y tế công cộng, trực tiếp xét duyệt các hồ sơ đạo đức nghiên cứu Y sinh học.

- Trong quá trình công tác tại trường Đại học Y Tế Công cộng, ứng viên luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của người giảng viên và người quản lý Bộ môn. Ứng viên luôn giữ vững được phẩm chất đạo đức và tiêu chuẩn của người giảng viên đại học. Tích cực học tập, tu dưỡng, tiếp nhận và ứng dụng tri thức vào phát triển ngành, đóng góp vì sự phát triển chung của chuyên ngành Y tế công cộng tại Việt Nam. Ứng viên đã đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trong nhiều năm (từ 2013 đến 2018), năm 2014 và 2018 ứng viên được nhận bằng khen Bộ trưởng Bộ Y tế vì *Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học*. Năm 2016 ứng viên đã được vinh dự nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì *Đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân*.

- Ứng viên tự đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt tiêu chuẩn của một giảng viên Đại học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ Đại học trở lên: 20 năm

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	0	0	0	12	291	0	253/291
2	2014-2015	0	0	0	12	177	156	333/375
3	2015-2016	0	0	50	12	258	156	414/456
3 năm học cuối								
4	2016-2017	0	0	25	12	46	179	225/322
5	2017-2018	0	0	75	0	48	224	272/372
6	2018-2019	0	0	105	0	30	138	168/325,5

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Chứng chỉ B2 Khung châu Âu, tham gia khoá học về Phương pháp nghiên cứu lâm sàng (Clinical research method) từ tháng 7/2012-9/2012 tại Đại học California tại San Fransisco (University of California in San Fransisco-UCSF). Tham gia học các khoá ngắn hạn, trình bày báo cáo tại nhiều hội thảo quốc tế (tại Nhật, Đài Loan, Hy Lạp, Anh...)

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 Châu Âu.

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Phan Thạch		x	x		01/2015-08/2015	Trường ĐH Y tế công cộng	20/03/2016
2	Nguyễn Thanh Liêm		x		x	01/2015-08/2015	Trường ĐH Y tế công cộng	25/02/2016
3	Nguyễn Tất Thành		x	x		01/2015-08/2016	Trường ĐH Y tế công cộng	28/12/2016
4	Bùi Quan Vi		x	x		01/2016-08/2017	Trường ĐH Y tế công cộng	28/12/2016
5	Nguyễn Thị Đường		x	x		11/2016-08/2017	Trường ĐH Y tế công cộng	09/03/2018
6	Vũ Xuân Tú		x	x		02/2017-10/2017	Trường ĐH Y tế công cộng	09/03/2018
7	Nguyễn Thị Thu Trang		x	x		11/2016-08/2017	Trường ĐH Y tế công cộng	09/03/2018
8	Phạm Thị Thuỳ Linh		x	x		02/2018-10/2018	Trường ĐH Y tế công cộng	12/03/2019
9	Lê Văn Thế		x	x		02/2018-10/2018	Trường ĐH Y tế công cộng	12/03/2019
10	Nguyễn Thị Thuý		x	x		02/2018-10/2018	Trường ĐH Y tế công cộng	12/03/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	Dịch tể thống kê nâng cao	GT	NXB Y học (2014)	5	Chủ biên Biên soạn từ trang 44-76	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2	Thống kê phân tích số liệu: Phần phân tích số liệu	GT	NXB Y học (2009)	06	Biên soạn từ trang 59-84	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
3	Phương pháp nghiên cứu kết hợp	GT	NXB Lao động-Xã hội (2012)	05	Biên soạn từ trang 83-122	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
4	Hướng dẫn xây dựng cây vấn đề	TK	NXB Bách Khoa, Hà Nội (2009)	1	Viết một mình	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
5	Những nguyên lý cơ bản và thực hành phòng chống tai nạn thương tích	TK	NXB Bách Khoa, Hà Nội (2009).	6	Biên soạn từ trang 27-39	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
6	Thống kê Y sinh học ứng dụng	GT	NXB Y học (2015)	4	Chủ biên Biên soạn từ trang 26-48	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
7	Đánh giá tác động chương trình y tế	GT	NXB Y học (2015)	04	Biên soạn từ trang 36-68; 127-158	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
8	Theo dõi và đánh giá chương trình, dự án Y tế	GT	NXB Y học (2016)	04	Biên soạn từ trang 36-68; 127-158	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
9	Khái niệm và thuật ngữ cơ bản sử dụng trong các nghiên cứu khoa học sức khỏe định lượng	TK	NXB Hồng Đức (2018)			Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
10	Một số nguyên tắc và tiêu chuẩn Báo cáo nghiên cứu khoa học	TK	NXB Hồng Đức (2018)			Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1 1	Phương pháp nghiên cứu trong bệnh viện	TK	NXB Hồng Đức (2018)			Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
1 2	Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê	TK	NXB Y học, Hà Nội (2019).			Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
1 3	Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sỹ hạng II, III	GT bồi dưỡng nâng hạng	Bộ Y tế - Trường ĐHYTCC (2019)	12	Biên soạn từ trang 119-142	Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
1 4	Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sỹ Y học dự phòng hạng II	GT bồi dưỡng nâng hạng	Bộ Y tế - Trường ĐHYTCC (2019)			Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC
1 5	Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng	GT bồi dưỡng nâng hạng	Bộ Y tế - Trường ĐHYTCC (2019)			Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHYTCC

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	ĐT: Thực trạng bao phủ bảo hiểm y tế và sử dụng thẻ bảo hiểm ở người lao động làm việc phi chính thức quận Long Biên, Hà Nội năm 2015	CN	Cấp cơ sở	1/2015-12/2015	04/12/2015
2	ĐT: Đánh giá chương trình đào tạo Thạc sỹ Quản lý bệnh viện	CN	Cấp cơ sở	5/2015-12/2015	14/12/2015
3	ĐT: Đánh giá nhu cầu đào tạo dịch tễ học thực địa cho cán bộ y tế tuyến cơ sở	CN	Cấp cơ sở	5/2018-11/2018	20/12/2018

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
4	ĐT: Sự gắn kết giữa cha mẹ với Vị thành niên/ thanh niên (vòng 2)	CN	Cấp cơ sở	3/2012-12/2012	20/03/2014
5	ĐT: Sự gắn kết giữa cha mẹ với Vị thành niên/ thanh niên và mối liên quan giữa sự gắn kết với sức khỏe của VTN/TN (vòng 1)	PCN/TK	Cấp Bộ	2009-2010	28/09/2011

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sỹ								
BÀI BÁO QUỐC TẾ								
01	Child health status and maternal and child care in Quang Tri province, Vietnam.	3 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Asia pacific journal of public health	1,459	05	Vol 20 Sup Oct 2008	228-235	2008
02	The alumni survey on training program and public health competency: A study of Hanoi School of Public Health, Viet Nam	4 (đồng tác giả)	Human Resources for Health	1,92	24	Vol 5:24, doi:10.1186/1478-4491-5-24	1-9	2007
BÀI BÁO TRONG NƯỚC								
03	Parental care and adolescent pre-marital sex in CHILILAB- Hai Duong province	4 (tác giả đứng đầu)	Vietnam Journal of Public Health,			Vol 10.2012 . No1 (1)	11-17	2012

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
04	The cause of deaths in CHILILAB between 2008-201 based on verbal autopsy method	3 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Vietnam Journal of Public Health,			Vol 10.2012 . No1 (1)	24-31	2012
05	Thực trạng công việc và hoạt động chuyên môn của cán bộ y tế trình độ sau đại học về một số cơ sở y tế Việt Nam	4 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y học dự phòng			Tập XXIII, Số. 12 (148)	15-21	2013
06	Đánh giá chương trình can thiệp tăng cường thực hành của cán bộ y tế hướng tới chữa ngoài tử cung ở Đại Từ và Đồng Hỷ, Thái Nguyên năm 2011	2 (Tác giả đứng đầu, tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 7.2014, số 32	29-34	2014
07	Kiến thức, thực hành phòng bệnh uốn ván sơ sinh của các bà mẹ dân tộc thiểu số có con dưới 1 tuổi và một số yếu tố liên quan, tại huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước năm 2012	2 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí y tế công cộng			Tháng 6.2013, số 28 (28)	17-22	2013
08	Can thiệp tăng cường thực hành về phát hiện sớm chữa ngoài tử cung ở phụ nữ 15-49 tuổi có chồng tại Đại Từ, Thái Nguyên	1 (Tác giả đứng đầu, tác giả chính)	Tạp chí Y học dự phòng			Tập XXIV, Số 2 (151) 2014	109-117	2014
09	Can thiệp tăng cường kiến thức về chữa ngoài tử cung ở phụ nữ 15-49 tuổi có chồng tại Đại Từ, Thái Nguyên	1 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 1.2014, số 30 (30)	4-10	2014

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
10	Nhận định của cựu học viên về một số chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành y	4 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học Thực hành			Số 12 (899)	61-64	2013
11	Các yếu tố nguy cơ của chữa ngoài tử cung	2 (tác giả đứng đầu)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 9.2013, số 29 (29)	48-55	2013
12	Thực trạng nhiễm khuẩn vết mổ và một số yếu tố liên quan tại khoa ngoại, sản bệnh viện đa khoa Sa Đéc năm 2012	2 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 3.2013, số 27 (27)	54-60	2013
13	Thực trạng nhiễm khuẩn bàn tay của nhân viên y tế bệnh viện tuyến huyện tỉnh Đắk Lắk năm 2012 và một số yếu tố liên quan	3 (đồng tác giả)	Tạp chí nâng cao sức khỏe			Số 7, tháng 3/2013	52-54	2013
14	Gánh nặng bệnh tật do tử vong sớm tại Chilillab-Chí Linh, Hải Dương	5 (đồng tác giả)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 4.2012, số 24 (24)	4-10	2012
15	Kiến thức, thực hành phòng chống tàn tật do bệnh phong của bệnh nhân phong tỉnh Bạc Liêu năm 2011 và một số yếu tố liên quan	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 2.2012, số 23 (23)	40-45	2012
16	Sự trao đổi giữa người cha với con tuổi Vị thành niên tại huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương và một số yếu tố liên quan	2 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y-Dược học Quân sự			Số 2-2012	38-44	2012

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
17	Sự trao đổi giữa người cha với con tuổi Vị thành niên và quan hệ tình dục trước hôn nhân của trẻ Vị thành niên	4 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí nghiên cứu y học.			Số 76, N5-10/2011	110-115	2011
18	Suy dinh dưỡng thấp còi và thiếu dinh dưỡng ở trẻ em 6-36 tháng tuổi tại 2 xã huyện Gia Bình_ Bắc Ninh	3 (đồng tác giả)	Tạp chí Y tế công cộng			Số 12 Tập 6 (Tháng 5 năm 2009)	29-33	2009
19	Chương trình đào tạo cư nhân y tế công cộng: Nhận định của cựu sinh viên hai trường Đại học Y Dược tại Việt Nam	4 (đồng tác giả)	Tạp chí y tế công cộng			Số 8 (8) Tháng 8 năm 2007	10-16	2007
20	Nghiên cứu đánh giá chương trình đào tạo thạc sỹ y tế công cộng: 10 năm đầu tiên	3 (đồng tác giả)	Tạp chí y tế công cộng			Số 9 (9) Tháng 12 năm 2007	10-16	2007
21	Một số đặc điểm chấn thương giao thông khi đi xe máy của các nạn nhân đến khám/ điều trị tại trung tâm y tế huyện Lương Sơn- Hòa Bình năm 2002	1 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng			Tháng 8/2004. Số 1(1)	26-31	2004
Sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ								
BÀI BÁO QUỐC TẾ								
22	Home-Based Care and Perceived Quality of Life Among People Living with HIV in Ho Chi Minh City, Viet Nam	4 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	AIDS Behav, 2018.	2,9		Vol 22 (Suppl 1)	85-91	2018

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
23	Trajectories of depression in adolescents and young adults in Vietnam during rapid urbanization: evidence from a longitudinal study	3 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Journal Child Adolescent Mental Health	0,635		2018 may; 30 (1)	51-59	2018
24	Trends and determinants for early initiation of and exclusive breastfeeding under six months in Vietnam: results from the Multiple Indicator Cluster Surveys, 2000-2011	5 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Global Health Action	1,9	11	8; 29433		2016
25	Patterns of Mortality in the Elderly in Chi Linh, Hai Duong, Vietnam, Period 2004-2012	2 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	AIMS Public Health		01	Vol 3 (Issue 3)	615-628	2016
26	Adverse events in the treatment of MDR-TB patients within and outside the NTP in Pham Ngoc Thach hospital, Ho Chi Minh City, Vietnam	5 (đồng tác giả)	BMC Res Notes,	1.54	16	2015. 8: p. 809.		2015
27	Prevalence of resistance to second-line tuberculosis drug among multidrug-resistant tuberculosis patients in Viet Nam, 2011	5 (đồng tác giả)	Western Pacific surveillance and response journal		03	Vol 7 (No 2)	35-40	2016

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
28	Use of modern contraceptives among married women in Vietnam: a multilevel analysis using the Multiple Indicator Cluster Survey (2011) and the Vietnam Population and Housing Census (2009)	4 (đồng tác giả)	Global Health Action	1,9	06	9; 29574		2016
29	The evolution of domestic violence prevention and control in Vietnam from 2003 to 2018: a case study of policy development and implementation within the health system	5 (đồng tác giả)	International Journal of mental Health Systems			Vol 13: 41		2019
30	Prevalence of Self-Treatment Practice and Related Factors Among Workers Aged 15 to 60 Years in Chi Linh Town, Hai Duong Province, Vietnam	6 (đồng tác giả)	Asia Pac Public Health	1,459	01	2017. Jul 29 (5_supp l)	62-71	2017
31	Blood Glucose Disorders and Access to Health Care Services Among Adults Aged 30 to 69 Years in Chi Linh, Hai Duong, Vietnam	4 (đồng tác giả)	Asia Pac Public Health	1,459	03	2017. Jul 29 (5_supp l)	45-52	2017
32	Tobacco Access and Availability for Vietnamese School Children (aged 13-15): Results from the Global Youth Tobacco Use Survey (GYTS) 2014 in Viet Nam	9 (đồng tác giả)	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention	1,5	01	Vol 17. Suppl, 2016	25- 29	2016

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
33	Validation of a Brief CES-D Scale for Measuring Depression and Its Associated Predictors among Adolescents in Chi Linh, Hai Duong, Vietnam	3 (đồng tác giả)	AIMS Public Health		03	Vol 3 (Issue 3)	448-459	2016
34	Adapting the Ryff Scales of Psychological Well-being: a 28-Item Vietnamese Version for University Students	6 (đồng tác giả)	Journal of Social Sciences and Humanities			Vol 5, No 2 (2019)	176-197	2019
35	Smoking susceptibility among school children aged 13–15 in Vietnam: a multilevel analysis of data from Global Youth Tobacco Use data (GYTS) 2014	10 (đồng tác giả)	Journal Global Health Science			May 1(1) :e3		2019
BÀI BÁO TRONG NƯỚC								
36	Sử dụng thẻ bảo hiểm y tế và những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình của người lao động phi chính thức quận Long Biên, Hà Nội	2 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng.			Tháng 3.2016, số 40	181-188	2016
37	Sử dụng dịch vụ điều trị bệnh lây truyền qua đường tình dục và xét nghiệm HIV của phụ nữ làm việc trong các cơ sở khách sạn, nhà hàng tại Đồ Sơn và Cát Bà, Hải Phòng năm 2015	6 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng.			Vol 12, No.1 (35), 3/2015	52-58	2015

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
38	Nhu cầu kiến thức, thái độ về HIV và xét nghiệm HIV chưa được đáp ứng của phụ nữ mại dâm tại Đồ Sơn, Cát Bà, Hải Phòng năm 2014.	6 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng.			6.2015, số 36	13-20	2015
39	Nhu cầu và thực trạng hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tại cộng đồng năm 2013	2 (tác giả đứng đầu)	Tạp chí Y tế công cộng.			Số 45, tháng 6/2018	55-64	2018
40	Thực trạng bao phủ bảo hiểm y tế và một số yếu tố liên quan ở người lao động phi chính thức quận Long Biên, Hà Nội	2 (tác giả đứng đầu, Tác giả chính)	Tạp chí Y tế công cộng.			Tháng 6.2016, số 42	48-54	2016
41	Phản ứng bất lợi của thuốc điều trị lao phác đồ 1 trên các bệnh nhân lao điều trị tại trung tâm y tế thành phố Châu Đốc, An Giang năm 2017-2018"	3 (đồng tác giả)	Tạp chí khoa học Nghiên cứu sức khỏe và Phát triển			Tập 03, số 1-2019	48-57	2019
42	Sự chậm trễ trong tìm kiếm dịch vụ y tế, chẩn đoán, điều trị và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân lao phổi mới tại bệnh viện phổi Hà Nội năm 2017	3 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành			Số 1086, tháng 12/2018	28-30	2018
43	Thực trạng nghiên cứu khoa học tại một số cơ sở nghiên cứu lĩnh vực sức khỏe tại Việt Nam	5 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 473 tháng 12, số 1 & 2-2018.	167-171	2018

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
44	Thực trạng nhiễm khuẩn bệnh viện và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện đa khoa Buôn Mê Thuột tỉnh Đắk Lắk năm 2018	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành.			Số 1081, 9/2018	27-30	2018
45	Thực trạng quản lý, phối hợp chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt của cơ sở y tế và gia đình tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng năm 2018	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành			Số 1080, tháng 9/2018	139-142	2018
46	Kiến thức, thái độ, thực hành phòng bệnh lao của người dân 18-65 tuổi và một số yếu tố liên quan tại xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An năm 2018	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành			Số 1074, tháng 8/2018	35-39	2018
47	Thực trạng tuân thủ điều trị lao kháng thuốc của người bệnh đăng ký điều trị tại bệnh viện Phổi Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2018	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành			Số 1080, tháng 9/2018	48-51	2018
48	Thực trạng chăm sóc người bệnh nội trú của điều dưỡng tại bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thanh Hoá năm 2018	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học dự phòng,			Tập 28 số 6. 2018	18-27	2018
49	Nghiện điện thoại thông minh và một số yếu tố liên quan ở sinh viên trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp năm 2017	2 (đồng tác giả)	Tạp chí khoa học Nghiên cứu sức khỏe và Phát triển			Tập 02, số 3-2018)	14-22	2018

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
50	Thực trạng tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân lao được quản lý tại các trạm y tế xã huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định năm 2017	3 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành.			Số 1057, tháng 9/2017	36-39	2017
51	Kiến thức, thực hành phòng ngừa chuẩn và các yếu tố ảnh hưởng của điều dưỡng các khoa lâm sàng bệnh viện Châm cứu Trung Ương năm 2017	3 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành.			Số 1055- 8/ 2017	55-58	2017
52	Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến việc cho trẻ bú sớm của bà mẹ sinh con tại bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Xuyên năm 2015	3 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học dự phòng			Tập 27 số 5- 2017	301-307	2017
53	Thực trạng tham gia bảo hiểm y tế của ngư dân Phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa năm 2017 và một số yếu tố liên quan	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành.			Số 1055, tháng 8/2017	43-46	2017
54	Sự sẵn sàng chi trả phí dịch vụ điều trị của bệnh nhân chuẩn bị tham gia mô hình xã hội hóa Methadone tại cơ sở điều trị Methadone Nam Từ Liêm, Hà Nội năm 2017	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành.			Số 1049, tháng 6/2017	157-159	2017
55	Thực trạng sẵn sàng chi trả một số dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ 18-49 tuổi có chồng tại	2 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành			Số 1054, tháng 8/2017	25-28	2017

STT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
	huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang năm 2017 và một số yếu tố liên quan							
56	Thực trạng stress ở sinh viên trường cao đẳng y tế Thái Nguyên năm 2016	5 (đồng tác giả)	Y học Việt Nam,			Tập 449, tháng 12 2016.	134-139	2016
57	Tác động của chương trình đào tạo thạc sĩ quản lý bệnh viện của trường Đại học Y tế công cộng	4 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học thực hành			Số 1009; tháng 5/2016	98-103	2016
58	Phân tích yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng bệnh tay chân miệng cho trẻ của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại 3 xã, huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	4 (đồng tác giả)	Tạp chí Y học Việt nam,			Tháng 1-số 2/2016		2016

Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 08

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: KHÔNG

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Chủ nhiệm đề tài cơ sở: “*Đánh giá nhu cầu đào tạo dịch tễ học thực địa cho cán bộ y tế tuyến cơ sở*” thực hiện năm 2018.
- Tham gia Đánh giá nhu cầu đào tạo cử nhân Y tế công cộng định hướng chuyên ngành Dịch tễ học, Tham gia xây dựng chương trình đào tạo và viết tài liệu đào tạo cho cử nhân Y tế công cộng định hướng chuyên ngành Dịch tễ học.
- Chủ nhiệm đề tài cơ sở: “*Đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý bệnh viện*” của trường Đại học Y tế công cộng. Từ đó có những đề xuất, khuyến nghị cho việc chỉnh sửa chương trình.

- Tham gia nghiên cứu: “*Xây dựng và chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá chất lượng dịch vụ đào tạo của Trường Đại học Y tế công cộng*” năm 2018. Từ đó đề xuất bộ công cụ đánh giá chất lượng dịch vụ của nhà trường.
- Là thành viên của nhóm nghiên cứu: “*Rà soát và đánh giá công tác quản lý và triển khai chương trình đào tạo cán bộ y tế theo hệ thống chuyên khoa sai đại học tại Việt Nam*” năm 2014-2015.
- Là thư ký của đề tài cấp Bộ: “*Nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý chất lượng các nghiên cứu khoa học Y Dược*” năm 2016-2018.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS,ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Tú Quyên

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

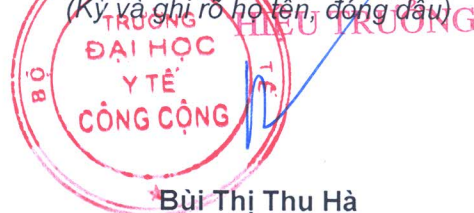
Xác nhận ứng viên, **TS. Bùi Thị Tú Quyên** là giảng viên của Trường Đại học Y tế công cộng từ tháng 12/2004 đến nay và những nội dung “Thông tin cá nhân” mà ứng viên đã kê khai là đúng thực tế. Trong thời gian công tác tại Trường, TS. Bùi Thị Tú Quyên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được giao.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Bùi Thị Thu Hà